18009750

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Xác suất thống kê** | Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **17CMT1** | Ngày thi: **29/10/2018** | Giờ thi: **07:45** | Phòng thi: **F103**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	1722109	Bùi Minh	Tân			9,5		9	●	
52	1722110	Trần Nhật Cúc	Tần			8,0		8		
53	1722111	Nguyễn Quốc	Thái			3,5		3	●	
54	1722112	Hoàng Lam	Thảo			5,0		5		
55	1722116	Phạm Trần Bảo	Thư			8,5		8	●	
56	1722117	Trần Ngọc Đăng	Thư			9,5		9	●	
57	1722118	Nguyễn Thị Thanh	Thúy			5,0		5		
58	1722119	Lê Nguyễn Xuân	Thy			9,0		9		
59	1722123	Nguyễn Thành	Tiến			3,5		3	●	
60	1722124	Cù Nguyễn Bảo	Trâm			9,0		9		
61	1722125	Đặng Thị	Trâm			7,5		7	●	
62	1722129	Quách Tú	Trinh			5,5		5	●	
63	1722130	Nguyễn Thị Thanh	Trúc			9,5		9	●	
64	1722131	Trần Thanh	Trúc			9,5		9	●	
65	1722134	Nguyễn Thị	Tươi			10		10		
66	1722136	Trần Quang	Tuyến			10		10		
67	1722137	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết			9,5		9	●	
68	1722140	Nguyễn Lê Phương	Uyên			10		10		
69	1722142	Nguyễn Thị Tường	Vi			9,5		9	●	
70	1722143	Nguyễn Trí	Vĩ			8,5		8	●	
71	1722147	Trần Lê	Vy			4,5		4	●	
72	1722148	Võ Ngọc Thảo	Vy			9,0		9		
73	1722149	Phan Thị Mỹ	Xuyên			7,0		7		
74	1722150	Nguyễn Thị Như	Ý			9,0		9		
75	1722151	Nguyễn Thị Ngọc	Yến				●			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê thị Ngọc Trang Chữ ký: 2) Huỳnh thị Yến thy Chữ ký:	Họ, tên: AN Thìn Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

18009771

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-LT

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Xác suất thống kê** Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **17KTH1** Ngày thi: **29/10/2018** Giờ thi: **07:45** Phòng thi: **F302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1321064	Mai Hữu	Khương				●		○	
2	1420111	Nguyễn Trí	Tâm		[signature]	1,5	v	1	●	
3	1421318	Đoàn Ngọc	Tây				●		○	
4	1515325	Hồ Mai Trúc	Tùng				●		○	
5	1614010	Lê Thái	Bảo		[signature]	4,0	v	4	○	
6	1619210	Nguyễn Minh	Rạng		[signature]	1,5	v	1	●	
7	1721002	Kiên Thanh	Tâm				●		○	
8	1721003	Rahlan	Hương		[signature]	2,5	v	2	●	
9	1721005	Huỳnh Minh	Anh				●		○	
10	1721006	Trần Thị Ngọc	Anh		[signature]	4,0	v	4	○	
11	1721007	Nguyễn Thành	Chương		[signature]	3,0	v	3	○	
12	1721008	Đỗ Hoàng Minh	Cường		[signature]	7,5	v	7	●	
13	1721009	Đinh Ngọc Phương	Giao		[signature]	2,0	v	2	○	
14	1721010	Nguyễn Đồng Ngọc	Hà				●		○	
15	1721014	Trần Thiện	Hiếu		[signature]	6,5	v	6	●	
16	1721015	Lê Nguyễn Kim	Hoàn		[signature]	5,0	v	5	○	
17	1721019	Bùi Thanh Yến	Khoa				●		○	
18	1721021	Nguyễn Đình	Lâm				●		○	
19	1721023	Hà Phương	Linh		[signature]	00	v	0	○	
20	1721024	Đỗ Thành	Luân				●		○	
21	1721025	Nguyễn Thị Ngọc	Mai				●		○	
22	1721027	Đặng Phạm Bảo	Nghi		[signature]	7,5	v	7	●	
23	1721028	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc		[signature]	3,0	v	3	○	
24	1721030	Hoàng Thị Hồng	Nhung		[signature]	8,0	v	8	○	
25	1721032	Nguyễn Thị Phượng	Nhung		[signature]	5,0	v	5	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Vũ Ngọc Ba *Chữ ký:* [signature] 2) Đỗ Thị Nga *Chữ ký:* [signature]	*Họ, tên:* N. Thìn *Chữ ký:* [signature]	*Họ, tên:* *Chữ ký:*

18009772

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Xác suất thống kê** | Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **17KTH1** | Ngày thi: **29/10/2018** | Giờ thi: **07:45** | Phòng thi: **F302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1721033	Trần Hoàng	Nhựt			3,0		3		
27	1721034	Nguyễn Thái Hồ	Phát			4,5		4	●	
28	1721038	Bùi Ngọc	Thắng			1,0		1		
29	1721039	Phan Thị Kim	Thanh			1,0		1		
30	1721040	Nguyễn Vũ Đoan	Thảo			3,5		3	●	
31	1721044	Đỗ Ngọc Anh	Thư			6,0		6		
32	1721045	Hoàng Thị Thanh	Thư			8,5		8	●	
33	1721047	Nguyễn Huỳnh	Thy			6,0		6		
34	1721051	Lưu Huỳnh Cát	Tường				●			
35	1721052	Cao Thị Tường	Vân				●			
36	1721053	Nguyễn Đặng Tường	Vi			3,5		3	●	
37	1721055	Nguyễn Võ Duy Tú	Vinh				●			
38	1723006	Lê Bình	An			2,0		2		
39	1723009	Lưu Hồng	Bảo			8,0		8		
40	1723010	Vũ Trần Tiến	Bảo			9,0		9		
41	1723011	Trần Kim	Can			4,5		4	●	
42	1723013	Lê Mạnh	Cường			3,5		3	●	
43	1723015	Nguyễn Hoàng Khánh	Duy			5,0		5		
44	1723016	Đặng Tấn	Giàu			8,5		8	●	
45	1723017	Đặng Gia	Hân			6,5		6	●	
46	1723018	Danh	Hiền			8,5		8	●	
47	1723019	Lê Vinh	Hiến			4,0		4		
48	1723021	Đào Duy	Khương			3,5		3	●	
49	1723022	Vũ Anh	Khương			7,0		7		
50	1723029	Phạm Tấn	Lực			2,0		2		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Huỳnh Trấn Anh Chữ ký: 2) Vũ Ngọc Ba Chữ ký:	Họ, tên: NN Thìn Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

18009773

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Xác suất thống kê** Mã học phần: **MTH00040**

Lớp: **17KTH1** Ngày thi: **29/10/2018** Giờ thi: **07:45** Phòng thi: **F302**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	1723030	Phạm Nguyễn Kim	Ngân			10	v	10		
52	1723032	Nguyễn Trọng	Nguyên			5,5	v	5	●	
53	1723033	Trần Đình	Nguyên			5,5	v	5	●	
54	1723034	Nguyễn Thục Vân	Nhi			3,5	v	3	●	
55	1723035	Đinh Thị Quỳnh	Như			9,5	v	9	●	
56	1723036	Lê Nhật	Phàm			1,5	v	1	●	
57	1723039	Nguyễn Đình Thiên	Phúc			1,5	v	1	●	
58	1723040	Tống Duy	Phúc			9,5	v	9	●	
59	1723041	Nguyễn Đức Đông	Quang			0,5	v	0	●	
60	1723043	Nguyễn Trường	Thành			1,5	v	1	●	
61	1723044	Nguyễn Việt	Thảo			4,0	v	4		
62	1723045	Ngô Lai	Thích			9,5	v	9	●	
63	1723046	Hoàng Vương Ngọc	Thiện			10	v	10		
64	1723049	Nguyễn Thị Minh	Thư				●			
65	1723050	Nguyễn Minh	Thuận			7,0	v	7		
66	1723051	Nguyễn Hoàng	Thuật				●			
67	1723052	Dương Thị Minh	Thùy			1,0	v	1		
68	1723053	Thái Hoàng	Tiến			7,0	v	7		
69	1723054	Nguyễn Văn	Tình			10	v	10		
70	1723056	Trần Thị Thanh	Trúc			7,5	v	7	●	
71	1723058	Nguyễn Thị Ngọc	Truyền			9,5	v	9	●	
	1723059	Trương Thanh	Tú			0,5	v	0	●	
	23060	Nguyễn Anh	Tuấn			9,0	v	9		
	1	Thái Thị Thanh	Tuyền			6,5	v	6	●	
	5 Tuấn		Vương			6,0	v	6		

ộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
.....Chữ ký:	Họ, tên:	Họ, tên: .....
Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010225

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
DH-CQ-NVC

BẢNG ĐIỂM

Giữa kỳ

Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_1** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C42**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1612630	Hoàng Ngọc Kim	Thanh			6		6		
2	1612645	Nguyễn Đăng Anh	Thi			1,5		1	●	
3	1612647	Lê Văn	Thi			3		3		
4	1612648	Nguyễn Hoài	Thi			5		5		
5	1612649	Ngô Bá Hoàng	Thiên			7,5		7	●	
6	1612654	Trần Minh	Thiện			2,5		2	●	
7	1612658	Nguyễn Kim	Thịnh			3 ba		3		
8	1612659	Trần Phạm Quốc	Thịnh			7,0		7		
9	1612677	Nguyễn Chí	Thức			8,5		8	●	
10	1612682	Nguyễn Thị	Thúy			7,5		7	●	
11	1612684	Trần Hồ Như	Thủy			4,5		4	●	
12	1612687	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên			6,5		6	●	
13	1612689	Trương Phạm Nhật	Tiến			7,5		7	●	
14	1612699	Trương Đại	Tín			2		2		
15	1612703	Nguyễn Thị	Tình			10		10		
16	1612704	Trần Thanh	Tịnh			5		5		
17	1612705	Lê Thanh Thành	Toại			7,5		7	●	
18	1612714	Nguyễn Hồng	Tới			8,5		8	●	
19	1612719	Đặng Thị Huyền	Trâm			8		8		
20	1612726	Nguyễn Minh	Trí			7,5		7	●	
21	1612730	Lê Minh	Trí			5,5		5	●	
22	1612732	Lê Hồ Hữu	Trí			3,5		3	●	
23	1612743	Trần Quốc	Trình			9		9		
24	1612745	Hà Quang	Trọng			4		4		
25	1612756	Nguyễn Hữu	Trường			5,5		5	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Hoàn Thị Mông Thắm Chữ ký: 2) Ninh Vũ Kiên Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

18010226

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_1** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C42**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1612759	Trần Nguyễn Ngọc	Trường			7	v	7	○	
27	1612762	Nguyễn Ngọc Minh	Truyền			5,5	v	5	●	
28	1612766	Nguyễn Hữu	Tú			4,5	v	4	●	
29	1612774	Nguyễn Thanh	Tuấn			5,5	v	5	●	
30	1612778	Nguyễn Anh	Tuấn			7,5	v	7	●	
31	1612780	Đoàn Quang	Tuấn			9	v	9	○	
32	1612781	Mai Văn	Tuấn			5	v	5	○	
33	1612785	Đặng Thanh	Tuấn			3	v	3	○	
34	1612791	Vũ Thanh	Tùng			8	v	8	○	
35	1612799	Nguyễn Thị Bích	Vân			4	v	4	○	
36	1612800	Nguyễn Sĩ	Văn			7,5	v	7	●	
37	1612804	Lương Công	Văn			7	v	7	○	
38	1612806	Lâm Khang	Vi			3,5	v	3	●	
39	1612809	Phạm Hùng	Việt			8	v	8	○	
40	1612810	Phạm Hữu Hoàng	Việt			9	v	9	○	
41	1612827	Thái Thiên	Vũ			5	v	5	○	
42	1612829	Nguyễn Quốc	Vương			8,5	v	8	●	
43	1612838	Vũ Lê Thế	Anh			10,0	v	10	○	
44	1612840	Dương Nguyễn Thái	Bảo			6	v	6	○	
45	1612842	Lê Thành	Công			8	v	8	○	
46	1612843	Trần Quốc	Cường			8,5	v	8	●	
47	1612844	Huỳnh Ngọc	Đỉnh			6	v	6	○	
48	1612845	Nguyễn Khắc	Đức			8,5	v	8	●	
49	1612847	Đỗ Hoàng Anh	Duy			9,5	v	9	●	
50	1612849	Nguyễn Lê Hồng	Hạnh			7	v	7	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Ng T Tú Anh Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện	Họ, tên:
2) Đoàn Thị Mộng Thắm Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010227

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_1** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C42**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	1612850	Trần Anh	Hào			9		9		
52	1612851	Bùi Trí	Hiếu			8		8		
53	1612853	Hồ Trung	Hiếu			9,5		9	●	
54	1612854	Nguyễn Đình Minh	Hiếu			3,5		3	●	
55	1612857	Trương Văn	Hoằng			8		8		
56	1612861	Huỳnh Hoàng	Huy			7		7		
57	1612864	Vương	Hy				●			
58	1612865	Lương Tấn	Khang			6,5		6	●	
59	1612869	Trần Mai	Khiêm			4,5		4	●	
60	1612874	Phan Thành	Nam			7		7		
61	1612879	Lê	Nhựt			7,5		7	●	
62	1612880	Hoàng Thiên	Nữ			6,5		6	●	
63	1612888	Phan Minh	Sơn			10		10		
64	1612891	Phan Quốc	Thắng			5		5		
65	1612894	Phạm Quỳnh	Thi			8,5		8	●	
66	1612896	Nguyễn Phước	Thông			3		3		
67	1612898	Nguyễn Đỗ Cát	Trân			9,5		9	●	
68	1612899	Hoàng Xuân	Trường			5,5		5	●	
69	1612902	Phan Quốc	Tuấn			3		3		
70	1612904	Mai Nguyễn Anh	Vũ			9		9		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Ninh Vũ Luân Chữ ký: 2) Ng T Tú Anh Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

18010228

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_1** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C43**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1412100	Trương Hoàng	Duy			2	v	2	○	
2	1512217	Nguyễn Ngọc	Hùng			2,5	v	2,5	●	
3	1512284	Hà Tấn	Linh			3,5	v	3,5	●	
4	1612005	Võ Hoàng	An			5,5	v	5,5	●	
5	1612013	Lê Hoàng	Anh			10	v	10	○	
6	1612052	Phạm Minh	Chiến			7	v	7	○	
7	1612070	Mai Chí	Cường			2,5	v	2,5	●	
8	1612078	Nguyễn Đình Hoàng	Đắc			4,5	v	4,5	●	
9	1612086	Nguyễn Thành	Đạt			4,5	v	4,5	●	
10	1612097	Tôn Thất	Đạt			5,5	v	5,5	●	
11	1612098	Lâm Cương	Đạt			8	v	8	○	
12	1612105	Hồ Thị	Điệp			9,5	v	9,5	●	
13	1612106	Nguyễn Nhật	Dinh			8,5	v	8,5	●	
14	1612114	Hứa Trung	Đức			4	v	4	○	
15	1612149	Trần Tường	Duy			5	v	5	○	
16	1612173	Đặng Anh	Hào			8,5	v	8,5	●	
17	1612176	Phạm Phong	Hào			7,5	v	7,5	●	
18	1612180	Nguyễn Trần	Hậu			9,5	v	9,5	●	
19	1612183	Nguyễn Thị Diệu	Hiền			2,5	v	2,5	●	
20	1612198	Đoàn Minh	Hiếu			10	v	10	○	
21	1612224	Hồ Minh	Huấn			10	v	10	○	
22	1612226	Nguyễn Sĩ	Hùng			10	v	10	○	
23	1612228	Trần Sỹ	Hùng			8,5	v	8,5	●	
24	1612233	Hoàng Phú	Hùng			6,5	v	6,5	●	
25	1612240	Nguyễn Công	Hưng			6,5	v	6,5	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Phan Văn Diệu Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện	Họ, tên:
2) Đinh Thị Lan Anh Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010229

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_1** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C43**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1612254	Lê Đức	Huy			9	v	10		
27	1612271	Lý Gia	Huy			7	v	7		
28	1612285	Dương Văn	Khang			4,5	v	4	●	
29	1612288	Nguyễn Khắc Nguyên	Khang			6,5	v	6	●	
30	1612290	Long Vĩ	Khang			5	v	5		
31	1612291	Nguyễn Thị Ngân	Khánh			8	v	8		
32	1612296	Tạ Ngọc Duy	Khoa			2	v	2		
33	1612297	Võ Đăng	Khoa			4,5	v	4	●	
34	1612313	Phan Trung	Kiên			6	v	6		
35	1612323	Đặng Phụng Trường	Lâm			3	v	3		
36	1612327	Mai Văn Hoàng	Lân			9	v	9		
37	1612331	Trần Thị	Lạng			6	v	6		
38	1612334	Nguyễn Lê Thị Mỹ	Linh			9	v	9		
39	1612343	Nguyễn Bửu	Lộc			9,5	v	9	●	
40	1612348	Lý Vĩnh	Lợi			6,5	v	6	●	
41	1612357	Trần Tấn	Luân			8	v	8		
42	1612362	Trần Văn	Lượn			8,5	v	8	●	
43	1612369	Phan Thị	Mai			4,5	v	4	●	
44	1612374	Trần Quang	Minh			6,5	v	6	●	
45	1612377	Tô Hiếu	Minh			9	v	9		
46	1612382	Huỳnh Nguyễn Nhật	Minh			6,5	v	6	●	
47	1612392	Nguyễn Thị Hồng	Mơ			5,5	v	5	●	
48	1612394	Nguyễn Hoàng Phương	Nam			9	v	9		
49	1612403	Trần Hoài	Nam			10	v	10		
50	1612414	Võ Kiều	Ngân			4	v	4		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Phan Văn Đức Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện	Họ, tên:
2) Đinh Thị Lan Anh Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010230

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_1** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C43**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	1612418	Phạm Lưu Trọng	Nghĩa			8	v	9		
52	1612421	Nguyễn Ngọc	Nghĩa			5	v	5		
53	1612424	Đặng Ngọc	Nghĩa			9,5	v	9	●	
54	1612425	Tạ Đăng Hiếu	Nghĩa			6,5	v	6	●	
55	1612432	Ngô Văn	Ngọc			4	v	4		
56	1612439	Mã Cẩm	Nguyên			4	v	4		
57	1612440	Trần Ngô Anh	Nguyên			6	v	6		
58	1612441	Phạm Quang Phước	Nguyên			7,5	v	7	●	
59	1612449	Trịnh Thanh	Nhã			6,5	v	6	●	
60	1612460	Châu Văn	Nhật			5	v	5		
61	1612465	Nguyễn Minh	Nhật			5	v	5		
62	1612471	Hoàng Thị Hoài	Nhi			4,5	v	4	●	
63	1612474	Lê Quỳnh	Như			6	v	6		
64	1612486	Đặng Vĩnh	Phát			7,5	v	7	●	
65	1612492	Võ Tấn	Phát			6,5	v	6	●	
66	1612493	Tăng Nguyễn Hoàng	Phi			4	v	4		
67	1612496	Tạ Thị Tú	Phi			5	v	5		
68	1612498	Phan Quốc	Phong			9	v	9		
69	1612506	Trương Hổ	Phong			8,5	v	8	●	
70	1612508	Nguyễn Quang	Phú			8	v	8		
71	1612521	Trang Trung Hoàng	Phúc			10	v	10		
72	1612522	Nguyễn Thanh	Phùng			6	v	6		
73	1612533	Nguyễn Trương	Quang			5	v	5		
74	1612542	Trần Ngọc	Quốc			8	v	8		
75	1612543	Phạm Anh	Quốc			10	v	10		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Đặng Thị Mỹ Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện	Họ, tên:
2) Lê Thị Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010231

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_1** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C43**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
76	1612545	Lê Phạm Hoàng	Quý			5,5		5	●	
77	1612548	Nguyễn Thị Thu	Quyên			5		5	○	
78	1612554	Lê Hoàng	Sang			5,5		5	●	
79	1612556	Nguyễn Hoàng	Sang			3,5		3	●	
80	1612557	Lê Hoàng	Sang			8,5		8	●	
81	1612567	Hứa Thanh	Sơn			7,5		7	●	
82	1612570	Nguyễn Thị	Sony			4,5		4	●	
83	1612578	Lê Xuân	Tài			3		3	○	
84	1612587	Lê Hoàng Minh	Tâm			~~7,0~~		7	○	
85	1612597	Huỳnh Duy	Tân				●		○	
86	1612607	Nguyễn Quang	Thái			9,5		9	●	
87	1612608	Lê Quốc	Thái			8,5		8	●	
88	1612609	Huỳnh Viết	Thám			5,5		5	●	
89	1612611	Trần Thị Hồng	Thắm			6,5		6	●	
90	1612619	Nguyễn Bá	Thắng			1		1	○	
91	1612626	Võ Duy	Thanh			6,5		6	●	
92	1612628	Nguyễn Duy	Thanh			8,5		8	●	
									○	
									○	
									○	
									○	
									○	
									○	
									○	
									○	
									○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)... Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện	Họ, tên:
2)... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010241

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_31** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C32**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1512041	Võ Hoàng Minh	Chí			2		2		
2	1512081	Trần Ngọc	Dũng				■			
3	1512129	Trần Quang	Đức				■			
4	1512330	Đặng Phương	Nam			2		2		
5	1612008	Lê Trần Lâm	An			3		3		
6	1612018	Trần Quốc	Anh			8,5		8	■	
7	1612023	Nguyễn Hoàng	Anh			3,5		3	■	
8	1612024	Vương Ngọc	Anh			4,5		4	■	
9	1612027	Trương Thị Hải	Âu			6		6		
10	1612036	Phạm Phú Quốc	Bảo			3		3		
11	1612037	Đinh Thái	Bảo			5,0		5		
12	1612039	Đặng Xuân Hoài	Bảo			6,5		6	■	
13	1612041	Phan Hải	Bình			4,5		4	■	
14	1612047	Trần Phước	Chánh			6,5		6	■	
15	1612048	Huỳnh Văn	Châu			1		1		
16	1612049	Phan Thanh Bảo	Châu			1,5		1	■	
17	1612056	Trình Quang	Chính			5		5		
18	1612058	Nguyễn Hoàng	Chương			2,5		2	■	
19	1612060	Phạm Hoàng	Chương			4,5		4	■	
20	1612065	Lê Nguyễn Hoàng	Cương			2,5		2	■	
21	1612066	Lê Nguyễn Quốc	Cường			6		6		
22	1612067	Bùi Văn	Cường			4		4		
23	1612069	Trần Quốc	Cường			10		10		
24	1612077	Nguyễn Mạnh	Cường			5,5		5	■	
25	1612079	Hồ Quan	Đại			8		8		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)...Trần Ngọc Duy.....Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện	Họ, tên:
2)...Nguyễn Thị Thảo.....Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010242

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_31** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C32**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1612082	Nguyễn Hồng	Đăng			6	v	6		
27	1612085	Trương Thành	Danh			4	v	4		
28	1612088	Nguyễn Thành	Đạt			5	v	5		
29	1612091	Phạm Vĩnh	Đạt			4	v	4		
30	1612092	Nguyễn Quốc	Đạt			6,5	v	6,5	●	
31	1612094	Nguyễn Công	Đạt			4,5	v	4,5	●	
32	1612102	Phan Thành	Đạt			4	v	4		
33	1612103	Đỗ Hoài	Diễn			10	v	10		
34	1612107	Hồ Ngọc	Đinh			5,5	v	5,5	●	
35	1612108	Phan Nguyễn Khắc	Doãn			4,5	v	4,5	●	
36	1612117	Hoàng Hùng	Đức			4	v	4		
37	1612123	Nguyễn Quốc	Dũng			9	v	9		
38	1612126	Lê Quốc	Dũng			2,5	v	2,5	●	
39	1612127	Vũ Hoàng	Dương			6,5	v	6,5	●	
40	1612136	Đinh Công	Duy			6,5	v	6,5	●	
41	1612138	Võ Tấn	Duy			10	v	10		
42	1612140	Nguyễn Nhật	Duy			4,5	v	4,5	●	
43	1612145	Nguyễn Anh	Duy			6,5	v	6,5	●	
44	1612151	Nguyễn Hoàng	Giang			7,5	v	7,5	●	
45	1612154	Hoàng Hải	Giang			2,5	v	2,5	●	
46	1612163	Nguyễn Trần Hoàng	Hạc			4	v	4		
47	1612168	Bùi Minh	Hải			3	v	3		
48	1612169	Lưu Nhất	Hàn			6	v	6		
49	1612175	Lâm Tề	Hào			5	v	5		
50	1612177	Phan Văn	Hậu			3,5	v	3,5	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Trần Ngọc Duy Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện	Họ, tên:
2) Nguyễn Thị Thảo Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010243

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_31** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C32**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	1612187	Nguyễn Ngọc	Hiển			4	v	4		
52	1612192	Võ Minh	Hiếu			4	v	4		
53	1612193	Nguyễn Đình Quốc	Hiếu			4,5	v	4,5	●	
54	1612197	Khâu Thanh	Hiếu			8,5	v	8,5	●	
55	1612199	Đỗ Minh	Hiếu			4	v	4		
56	1212227	Vũ Xuân Mạnh				3	v	3		
5							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Trần Ngọc Quý ..... Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện	Họ, tên:
2) Nguyễn Thị Thảo ..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010239

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_31** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C31**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1612531	Phạm Lương	Quân		Quân	3	v	3		
2	1612532	Phan Đức	Quân		Quan	3	v	3		
3	1612541	Lê Tường	Qui			8	v	8		
4	1612560	Trịnh Nhất	Sinh			2,5	v	2	●	
5	1612561	Nguyễn Đức Bảo	Sơn			4,5	v	4	●	
6	1612563	Nguyễn Tấn	Sơn			4,5	v	4	●	
7	1612564	Nguyễn Công	Sơn			3,5	v	3	●	
8	1612565	Phạm Ngọc	Sơn			4,5	v	4	●	
9	1612583	Lê Thanh	Tâm			7	v	7		
10	1612585	Nguyễn Xuân	Tâm			4	v	4		
11	1612586	Trương Hoài	Tâm			10	v	10		
12	1612589	Trần Linh	Tâm			6	v	6		
13	1612595	Thạch	Tân			7	v	7		
14	1612602	Nguyễn Quang	Thạch			5,5	v	5	●	
15	1612615	Đào Việt	Thắng			3,5	v	3	●	
16	1612664	Vũ Đức	Thịnh			6,5	v	6	●	
17	1612669	La	Thoại			5,5	v	5	●	
18	1612670	Huỳnh Hữu	Thời			6	v	6		
19	1612673	Trương Minh	Thông			6 sửa	v	6		
20	1612674	Nguyễn Minh	Thông			8	v	8		
21	1612675	Nguyễn Hồ Gia	Thông			4	v	4		
22	1612679	Nguyễn Thị Hoài	Thương			5	v	5		
23	1612680	Dương Văn	Thường			9	v	9		
24	1612685	Trần Huệ	Thy			10	v	10		
25	1612694	Lâm Hữu	Tiền			8	v	8		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Đức Phương ... Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện	Họ, tên:
2) Nguyễn Thái Thế ... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010240

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC — Giữa kỳ — **Học kỳ: 1/18-19**

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** — Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_31** — Ngày thi: **30/10/2018** — Giờ thi: **13:30** — Phòng thi: **C31**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1612695	Phạm Trung	Tín		(ký)	8	○	8	○	
27	1612700	Nguyễn Ngô	Tín		(ký)	8	○	8	○	
28	1612737	Nguyễn Quang	Triệu		(ký)	4,5	○	4	●	
29	1612738	Nguyễn Ngọc Khắc	Triệu		(ký)	4	○	4	○	
30	1612739	Nguyễn Ngọc	Triệu		(ký)	4,5	○	4	●	
31	1612744	Lê Đỗ	Trọng		(ký)	4,5	○	4	●	
32	1612746	Nguyễn Khương	Trực		(ký)	5	○	5	○	
33	1612750	Phan Nhật Bảo	Trung		(ký)	4,5	○	4	●	
34	1612751	Lê Đình	Trung		(ký)	5,5	○	5	●	
35	1612760	Nguyễn Minh	Trường		(ký)	8,5	○	8	●	
36	1612767	Trương Quang	Tú		(ký)	4,5	○	4	●	
37	1612770	Lê Văn	Tư		(ký)	9	○	9	○	
38	1612772	Nguyễn Hữu	Tứ		(ký)	8,5	○	8	●	
39	1612787	Nguyễn Thanh	Tuấn		(ký)	5,5	○	5	●	
40	1612792	Nguyễn Lê Minh	Tuyên		(ký)	3,5	○	3	●	
41	1612794	Lê Thị	Tuyết		(ký)	8,5	○	8	●	
42	1612798	Hoàng Thị Cát	Uyên		(ký)	5,5	○	5	●	
43	1612815	Võ Nhật	Vinh		(ký)	5,5	○	5	●	
44	1612821	Lương Ngọc	Vũ		(ký)	9	○	9	○	
45	1612825	Bùi Tuấn	Vũ		(ký)	7	○	7	○	
46	1612839	Từ Kim Huỳnh	Anh		(ký)	4,5	○	4	●	
47	1612855	Hồng Thanh	Hoài		(ký)	6	○	6	○	
48	1612858	Huỳnh Minh	Huấn		(ký)	10	○	10	○	
49	1612889	Trần Đặng Nhật	Tân		(ký)	4	○	4	○	
50	1612893	Phạm Nhựt	Thanh		(ký)	8,5	○	8	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Đức Mạnh Chữ ký: (ký) 2) Nguyễn Thái Thế Chữ ký: (ký)	Họ, tên: Lê Văn Luyện Chữ ký: (ký)	Họ, tên: Chữ ký:

18010244

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_31** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C41**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1612200	Từ Công	Hiếu			6	v	6		
2	1612205	Nguyễn Long	Hồ			3,5	v	3	●	
3	1612208	Ngô Minh	Hòa			8	v	8		
4	1612210	Phạm Ân	Hòa			3,5	v	3	●	
5	1612223	Trần Văn	Huân			4,5	v	4	●	
6	1612230	Nguyễn Khoa	Hùng			5,5	v	5	●	
7	1612234	Trần Quốc	Hưng			5,5	v	5	●	
8	1612247	Nguyễn Quang	Hường			8	v	8		
9	1612248	Đỗ Tấn	Hữu			2,5	v	2	●	
10	1612253	Hồ Quốc	Huy			5,5	v	5	●	
11	1612260	Nguyễn Hoàng Công	Huy			7	v	7		
12	1612277	Ngô Đức	Kha			5	v	5		
13	1612283	Phạm Minh	Khải			7,5	v	7	●	
14	1612286	Nguyễn Hồng	Khang			2,5	v	2	●	
15	1612300	Thái Đăng	Khoa			4,5	v	4	●	
16	1612307	Nguyễn Văn Tường	Khôi			4,5	v	4	●	
17	1612310	Nguyễn Đăng	Khởi			8,5	v	8	●	
18	1612319	Võ Kông	Kiệt			2	v	2		
19	1612325	Trần Viết	Lãm			0,5	v	0	●	
20	1612330	Nguyễn Văn	Lân			7	v	7		
21	1612335	Lê Quốc Sĩ	Linh			3	v	3		
22	1612336	Vũ Thùy	Linh			7	v	7		
23	1612339	Trần Khánh	Linh			9,5	v	9	●	
24	1612352	Nguyễn Hà Hoàng	Long			3	v	3		
25	1612355	Lê Kinh	Luân			1,5	v	1	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Trương Khánh Minh Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện	Họ, tên:
2) Nguyễn Văn Thắng Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010245

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán học tổ hợp** Mã học phần: **MTH00050**

Lớp: **16_31** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **C41**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1612358	Nguyễn Hoàng	Luân			3,5	v	3	●	
27	1612360	Lê Công	Luận			8,5	v	8	●	
28	1612364	Nguyễn Hoàng	Lưu			3	v	3	○	
29	1612365	Nguyễn Thiên	Lý			5	v	5	○	
30	1612367	Trần Thị	Lý			8	v	8	○	
31	1612380	Phạm Hoàng	Minh			9	v	9	○	
32	1612384	Nguyễn Trần Duy	Minh			5	v	5	○	
33	1612393	Dương Phi Hiếu	My			9	v	9	○	
34	1612407	Vũ Thành	Nam			6	v	6	○	
35	1612420	Nguyễn Hoàng Hiếu	Nghĩa			6,5	v	6	●	
36	1612427	Nguyễn Xuân	Nghiêm			4,5	v	4	●	
37	1612434	Lưu Tuấn	Nguyên			5,5	v	5	●	
38	1612442	Cà Lê Nhật	Nguyên			1,5	v	1	●	
39	1612454	Lê Hữu	Nhân			4	v	4	○	
40	1612458	Nguyễn Văn	Nhật			4,5	v	4	●	
41	1612470	Lê Uyển	Nhi			6	v	6	○	
42	1612484	Huỳnh Kim	Ninh			6,5	v	6	●	
43	1612491	Hồ Hoàng	Phát			5	v	5	○	
44	1612494	Trần Văn	Phi			10	v	10	○	
45	1612499	Nguyễn	Phong			6,5	v	6	●	
46	1612500	Lê Trung	Phong			2,5	v	2	●	
47	1612511	Phan Anh	Phú			5	v	5	○	
48	1612520	Châu Hoàng	Phúc			6	v	6	○	
49	1612523	Nguyễn Văn	Phước			6	v	6	○	
50	1612529	Đặng Minh	Quân			4,5	v	4	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Văn Hoàng Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Luyện	Họ, tên:
2) Lương Khiêm Minh Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010246

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán tài chính nâng cao** Mã học phần: **MTH10209**

Lớp: **1** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **14:45** Phòng thi: **C43**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1311086	Trần Văn	Hải			2,75	v	2		
2	1311162	Nguyễn Thị Kim	Liên			1,0	v	1		
3	1311206	Nguyễn Hồng	Nguyên				■			
4	1411079	Huỳnh Công	Hậu			5,0	v	5		
5	1411098	Lê Huy	Hoàng				■			
6	1411109	Lê Nguyễn Đức	Huy			7,0	v	7		
7	1411141	Nguyễn Hữu	Liên				■			
8	1411178	Vũ Đức	Nam			7,5	v	7	●	
9	1411181	Đoàn Thị Thu	Ngân				■			
10	1411183	Ngô Thị Thu	Ngân			8,25	v	8	●	
11	1411194	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên			5,5	v	5	●	
12	1411316	Nguyễn Thị Quỳnh	Trà			5,25	v	5	●	
13	1511003	Đào Thị Yến	Anh			4,75	v	4		
14	1511028	Đào Thị Kim Ngọc	Châu			8,75	v	8		
15	1511029	Nguyễn Hồng Bảo	Châu			6,0	v	6		
16	1511032	Phạm Nguyễn Khánh	Chi			5,5	v	5	●	
17	1511041	Nguyễn Thị Thúy	Diễm			5,0	v	5		
18	1511045	Nguyễn Thị Kim	Duyên			4,25	v	4	●	
19	1511050	Võ Trần	Duy			9,5	v	9	●	
20	1511051	Phan Trí	Dũng			3,75	v	3		
21	1511056	Phạm Thị Thuỳ	Dương			8,5	v	8	●	
22	1511065	Trịnh Minh	Đăng			5,25	v	5	●	
23	1511068	Nguyễn Trần Quỳnh	Giao			7,0	v	7		
24	1511077	Trần Việt	Hà			6,0	v	6		
25	1511082	Nguyễn Thị Mỹ	Hảo			6,0	v	6		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)..... Chữ ký:	Họ, tên: Phạm Thị Phương	Họ, tên:
2)..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010247

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán tài chính nâng cao** Mã học phần: **MTH10209**

Lớp: **1** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **14:45** Phòng thi: **C43**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1511083	Trần Hà Minh	Hảo			6,0	v	10		
27	1511085	Vũ Thị Ngọc	Hân			5,0	v	5		
28	1511139	Phạm Thị	Kiều			5,0	v	5		
29	1511143	Huỳnh Hiếu	Kỳ			0,5	v	0	●	
30	1511154	Lê Tất	Lộc			5,75	v	5		
31	1511163	Thạch Ngô Hoàng	Mai			3,5	v	3	●	
32	1511177	Cao Hoàng	Nam			5,0	v	5		
33	1511188	Phan Kim	Ngân			9,25	v	9	●	
34	1511202	Phan Nguyễn Hoàng	Nguyên			4,25	v	4	●	
35	1511210	Phạm Thị	Nhiên			4,0	v	4		
36	1511220	Đỗ Huỳnh	Như			6,25	v	6	●	
37	1511245	Lê Thị Bích	Phượng			5,25	v	5	●	
38	1511250	Bùi Thị Thùy	Quyên			4,5	v	4	●	
39	1511255	Nguyễn Ngọc Diễm	Quỳnh			5,0	v	5		
40	1511262	Nguyễn Thị	Sen			5,25	v	5	●	
41	1511265	Nguyễn Hoàng	Sơn			4,75	v	4		
42	1511278	Lê Thanh	Thảo			3,5	v	3	●	
43	1511284	Trịnh Thị Phương	Thảo			6,25	v	6	●	
44	1511322	Nguyễn Thị Trinh	Trinh			4,0	v	4		
45	1511328	Phạm Minh	Tuấn			6,75	v	7		
46	1511330	Trương Quốc	Tuấn			4,5	v	4	●	
47	1511331	Huỳnh Thị Diễm	Tuyết			4,0	v	4		
48	1511339	Phan Thanh	Tùng			6,5	v	6	●	
49	1511358	Trương Thị Như	Ý			2,75	v	2		
50	1611021	Nguyễn Gia	Bảo			6,0	v	6		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1). Phan Việt Dũng ..... Chữ ký:	Họ, tên: Phạm Thị Phương	Họ, tên:
2). Ng T Tú Anh ..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010248

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Toán tài chính nâng cao** Mã học phần: **MTH10209**

Lớp: **1** Ngày thi: **30/10/2018** Giờ thi: **14:45** Phòng thi: **C43**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	1611044	Nguyễn Hồng	Diễm			6,75	v	6	○	
52	1611047	Nguyễn Khánh	Dự			8,5	v	7 9 10	●	
53	1611069	Trần Ngọc	Duyên			9,25	v	8 10	●	
54	1611075	Trần Hạnh Bình	Hân			6,75	v	6	○	
55	1611085	Đặng Hoàng	Hiền			8,75	v	8 10	○	
56	1611089	Phạm Minh	Hiếu			4,5	v	3	●	
57	1611091	Trần Thị Mỹ	Hiếu			9,25	v	8 10	●	
58	1611093	Trần Hiệp	Hòa			7,25	v	6	●	
59	1611094	Phạm Xuân	Hòa			5,0	v	4	○	
60	1611113	Mai Lê	Huy			9,0	v	8	○	
61	1611143	Huỳnh Phước	Lộc			8,25	v	7 9	●	
62	1611156	Nguyễn Thị Diễm	My			7,5	v	6 8	●	
63	1611174	Lương Anh	Nhật			9,5	v	8 10	●	
64	1611175	Bùi Minh	Nhật			3,5	v	2	●	
65	1611176	Phạm Minh	Nhật			5,75	v	5	○	
66	1611231	Trần Ngọc	Sơn				V		○	
67	1611272	Trần Thị	Thư			5,75	v	5	○	
68	1611276	Phạm Ngọc Thanh	Thuý			5,5	v	4	●	
69	1611322	Nguyễn Ngọc Thanh	Tú			4,5	v	3	●	
70	1611336	Hoàng Thị Phương	Uyên			7,25	v	6	●	
71	1611346	Đặng Thảo	Vy			6,0	v	5	○	
72	1611357	Nguyễn Trần Duy	Khang				V		○	
73	1611358	Trần Thị Kim	Linh			5,5	v	4	●	
74	1611363	Vũ	Hùng			8,5	v	7 9	●	
75	1211186	Hoàng Văn	Cường			3,25	v	2 7	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1). Lê Nữ Tú Mai Chữ ký:	Họ, tên: Phan Thị Phương	Họ, tên:
2). Phan Vũ Dũng Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18009993

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17TTH_1TN** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F307**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1711009	Đào Thị Minh	Lý			6.0	v	6		
2	1711015	Nguyễn Trung	Nghĩa			10.0	v	10		
3	1711019	Lưu Quang Hải	Sơn			9.5	v	9	●	
4	1711028	Ngô Huỳnh Đoan	Trang			7.5	v	7	●	
5	1711034	Huỳnh Thanh	Vinh			9.5	v	9	●	
6	1711042	Nguyễn Trần Hữu	Thịnh			9.0	v	9		
7	1711044	Phạm Hoàng Nguyên	Hiền			9.5	v	9	●	
8	1711078	Bồ Quang	Đông			8.0	v	8		
9	1711125	Nguyễn Minh	Huy			10.0	v	10		
10	1711135	Lê Huy	Khiêm			8.5	v	8	●	
11	1711214	Trịnh Hồng	Phúc			10.0	v	10		
12	1711231	Tống Lương Hương	Quỳnh			10.0	v	10		
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trường khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê T. Thị Huỳnh Mai Chữ ký:	Họ, tên: Lê V. Chiến	Họ, tên:
2) Lê Đình Anh Vũ Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18009988

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17TTH** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1711140	Ninh Thị Huỳnh	Kim			5.0		5		
2	1711141	Nguyễn Tiểu	Lam			7.5		7	●	
3	1711143	Trần Văn	Lâm			9.0		9		
4	1711144	Nguyễn Thị	Liên			7.5		7	●	
5	1711146	Đỗ Cao Thùy	Linh			5.5		5	●	
6	1711149	Hồ Tuấn	Linh			10.0		10		
7	1711150	Hoàng Nguyễn	Linh			10.0		10		
8	1711151	Khổng Thị Khiết	Linh			9.5		9	●	
9	1711152	Nguyễn Thanh	Linh				V			
10	1711153	Phan Thị	Linh			4.5		4	●	
11	1711154	Trương Nhựt	Linh			9.0		9		
12	1711155	Trần Tấn	Lộc			10.0		10		
13	1711156	Phan Quốc	Luân			2.0		2		
14	1711157	Hà Sinh	Lượng			2.5		2	●	
15	1711158	Hồ Thị Ngọc	Lý			4.0		4		
16	1711161	Nguyễn Đức Minh	Mẫn			9.5		9	●	
17	1711162	Trịnh Đình	Mạnh				V			
18	1711164	Nguyễn Lê Bảo	Minh			4.0		4		
19	1711166	Nguyễn Hồng Tiểu	My			8.5		8	●	
20	1711167	Nguyễn Ngọc Thảo	My			3.5		3	●	
21	1711168	Bùi Đức Kỳ	Nam			0.5		0	●	
22	1711169	Huỳnh Thế	Nam				V			
23	1711172	Phạm Lê Phương	Nam			9.5		9	●	
24	1711173	Phan Thành	Nam			7.0		7		
25	1711174	Lê Nguyễn Trà	Ngân			9.0		9		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1)..... Chữ ký:	Họ, tên: Lê V. Chánh	Họ, tên:
2)..... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18009989

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17TTH** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1711178	Phạm Xuân	Nghĩa			10.0	v	10		
27	1711182	Nguyễn Như	Ngọc			6.0	v	6		
28	1711183	Phạm Nguyễn Diễm	Ngọc			10.0	v	10		
29	1711184	Trần Minh	Ngọc			10.0	v	10		
30	1711185	Nguyễn Lê Hạnh	Nguyên			7.5	v	7	●	
31	1711186	Phạm Hoàng	Nguyên			6.5	v	6	●	
32	1711188	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn			10.0	v	10		
33	1711190	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhân			10.0	v	10		
34	1711191	Phạm Thị	Nhân			8.5	v	8	●	
35	1711192	Nguyễn Thị Thu	Nhi			9.5	v	9	●	
36	1711194	Nguyễn Thị Yến	Nhi			7.0	v	7		
37	1711195	Nguyễn Thị Yến	Nhi			7.0	v	7		
38	1711196	Trần Thị Thùy	Nhi			6.5	v	6	●	
39	1711197	Trịnh Yến	Nhi			6.0	v	6		
40	1711198	Võ Thị Ý	Nhi			9.5	v	9	●	
41	1711199	Vũ Ái	Nhi			10.0	v	10		
42	1711200	Đặng Ngọc Ánh	Như				●			
43	1711206	Lê Hiền	Ninh			10.0	v	10		
44	1711207	Nguyễn Đức	Phát			6.5	v	6	●	
45	1711208	Nguyễn Hồng	Phát			8.0	v	8		
46	1711209	Phạm Tiến	Phát			8.0	v	8		
47	1711210	Lê Kim Thiên	Phú			9.0	v	9		
48	1711211	Nguyễn Thiên	Phú			8.5	v	8	●	
49	1711213	Nguyễn Viết	Phúc			9.0	v	9		
50	1711215	Huỳnh Thanh	Phước			9.5	v	9	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1). Nguyễn Duy Khánh Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Chánh	Họ, tên:
2). Nguyễn Tiến Thành Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18009990

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17TTH** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F305**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	1711216	Lê Đình	Phước				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
52	1711218	Nguyễn Thị Ngọc	Phương		phương	9.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	●	
53	1711219	Nguyễn Trịnh Hồng	Phương			9.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	●	
54	1711220	Nguyễn Hoàng	Quân		Quân	9.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	●	
55	1711223	Trần Anh	Quốc		Quốc	8.5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	●	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
							v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Tiến Thành Chữ ký:	Họ, tên: Lê V. Chánh	Họ, tên:
2) Nguyễn Duy Khánh Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18009992

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17TTH** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F307**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1711268	Đặng Ngọc	Tiến			8	v	9		
27	1711272	Nguyễn Diên	Tín			4,75	v	5		
28	1711273	Võ Lê Bảo	Tín			2,5	v	2	●	
29	1711274	Lê Mạnh	Toàn			5,25	v	5	●	
30	1711277	Lê Ngọc Quế	Trâm			5	v	5		
31	1711278	Phú Thị Thúy	Trâm			9	v	9		
32	1711279	Trương Thị Bích	Trâm			9,5	v	9	●	
33	1711282	Trần Thị Thu	Trang			7,75	v	7		
34	1711286	Đặng Hoàng Minh	Triết			7,75	v	7		
35	1711290	Huỳnh Thư	Trúc			8,75	v	8		
36	1711291	Nguyễn Kim Thanh	Trúc				●			
37	1711294	Vương Minh	Trung				●			
38	1711295	Bùi Thị Ngọc	Trưng			9,25	v	9	●	
39	1711296	Lê Quang	Trường			7,5	v	7	●	
40	1711299	Hoàng Minh	Tuấn			7,5	v	7	●	
41	1711300	Phạm Đình Anh	Tuấn			8,5	v	8	●	
42	1711301	Trần Mạnh Thanh	Tuấn			8,75	v	8		
43	1711303	Phạm Thanh	Tuyền			9,75	v	9		
44	1711305	Nguyễn Thị Ngọc	Vân			7,75	v	7		
45	1711306	Nguyễn Thị Thanh	Vân			6,5	v	6	●	
46	1711309	Trịnh Hoàng	Việt			3,75	v	3		
47	1711312	Nguyễn Văn	Vũ			9,25	v	9	●	
48	1711314	Lê Võ Nhật	Vy			7,5	v	7	●	
49	1711315	Nguyễn Hoài	Vỹ			9,5	v	9	●	
50	1711237	Phan Văn	Sơn			7,75	v	7		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thị Huỳnh Mai Chữ ký:	Họ, tên: Lê V Chánh	Họ, tên:
2) Lê Đình Anh Vũ Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18009991

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17TTH** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F307**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1711226	Nguyễn Đức	Quý			6,25	v	5	●	
2	1711228	Nguyễn Lê Thị Như	Quỳnh			9,75	v	9	○	
3	1711229	Nguyễn Như	Quỳnh			9,5	v	8	●	
4	1711230	Nguyễn Thụy Nguyệt	Quỳnh			9,75	v	9	○	
5	1711232	Bùi Ngọc	Sang			9,5	v	8	●	
6	1711234	Nguyễn Thành	Sang				●		○	
7	1711235	Trần Thanh	Sang			9,75	v	9	○	
8	1711239	Lê Độ Thanh	Tài			8,25	v	7	●	
9	1711240	Lê Minh	Tâm			9,75	v	9	○	
10	1711241	Lê Minh	Tâm			5	v	4	○	
11	1711242	Võ Thị Hoài	Tâm			7	v	6	○	
12	1711243	Nguyễn Duyệt	Tân			8,25	v	7	●	
13	1711247	Nguyễn Lâm Như	Thảo			9,75	v	9	○	
14	1711248	Nguyễn Trần Minh	Thảo			8,5	v	7	●	
15	1711249	Trần Phương	Thảo			3,75	v	3	○	
16	1711250	Vũ Thi	Thi			9,75	v	9	○	
17	1711251	Huỳnh Tấn	Thiên			8	v	7	○	
18	1711256	Phan Hoàng	Thiện			7,5	v	6	●	
19	1711258	Huỳnh Thị	Thu			6	v	5	○	
20	1711259	Trần Thị	Thu			9,5	v	8	●	
21	1711260	Hồ Nguyễn Huyền	Thư			9,75	v	9	○	
22	1711262	Nguyễn Ngọc Anh	Thư			9,5	v	8	○	
23	1711264	Ngô Quốc	Thuận			5	v	4	○	
24	1711266	Nguyễn Thị Thanh	Thúy			9	v	8	○	
25	1711267	Nguyễn Thị Cẩm	Tiên			5	v	4	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1). Lê Thị Huỳnh Mai Chữ ký:	Họ, tên: Lê Văn Chánh	Họ, tên:
2). Lê Đình Anh Vũ Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010299

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17_L1** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **C42**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1511222	Lù Ngọc Quỳnh	Như			8,75	v	10		
2	1511225	Nguyễn Thị Ni	Ni			9	v	10		
3	1511231	Nguyễn Mạnh	Phi			9,75	v	9		
4	1511234	Trần Minh	Phúc			6,25	v	5	●	
5	1511242	Nguyễn Hồng	Phương			9,75	v	9		
6	1511243	Nguyễn Trọng	Phước			7,5	v	6	●	
7	1511274	Nguyễn Hồ	Tây			6	v	5		
8	1511283	Trần Thị	Thảo			5,25	v	4	●	
9	1511284	Trịnh Thị Phương	Thảo			9,5	v	10	●	
10	1511292	Lê Thị Kim	Thoa			6,75	v	6		
11	1511300	Hoàng Ngọc Đoan	Thùy			6,5	v	5	●	
12	1511302	Nguyễn Ngọc Anh	Thư			7,25	v	6	●	
13	1511303	Phạm Huyền Thu	Thương			6,5	v	5	●	
14	1511307	Nguyễn Thị Triều	Tiên			9,5	v	10	●	
15	1511320	Phạm Thị Mai	Trâm			9,75	v	9		
16	1511327	Nguyễn Đức Anh	Tuấn			6,25	v	5	●	
17	1511330	Trương Quốc	Tuấn			9,5	v	10	●	
18	1511345	Nguyễn Thế	Vinh			9,75	v	9		
19	1511347	Đàm Xuân	Vương			9,75	v	9		
20	1611008	Phạm Thảo	Ân			4,75	v	4		
21	1611016	Lê Hồng Ngọc	Anh			8,25	v	7	●	
22	1611032	Trần Quốc	Cường			4	v	3		
23	1611039	Phạm Thị Anh	Đào			9,25	v	8	●	
24	1611046	Trần Thị	Điểm			9,5	v	8	●	
25	1611125	Phan Quang	Khánh			10	v	9		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Phạm Nữ Phương Thảo Chữ ký:	Họ, tên: Lê V. Châu	Họ, tên:
2) Trần ngọc Qui Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010300

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17_L1** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **C42**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1611133	Vũ Trọng	Lịch			7,75	v	9	○	
27	1611136	Nguyễn Thị Mỹ	Linh			8,5	v	9	●	
28	1611140	Huỳnh Thị Mỹ	Linh			8	v	9	○	
29	1611153	Trần Văn	Minh			8,75	v	8	○	
30	1611166	Nguyễn Hồ Anh	Ngọc			4,5	v	4	●	
31	1611175	Bùi Minh	Nhật			6,25	v	6	●	
32	1611180	Giang Yến	Nhi			7,75	v	9	○	
33	1611195	Huỳnh Tấn	Phong			8,25	v	9	●	
34	1611211	La Quí	Phương			8,5	v	9	●	
35	1611231	Trần Ngọc	Sơn			7,5	v	8	●	
36	1611261	Phạm Nguyễn Hoàng	Thịnh			9,5	v	10	●	
37	1611275	Cao Vũ Hoài	Thương			9,25	v	10	●	
38	1611280	Phan Thị Thanh	Thúy			9,25	v	10	●	
39	1611282	Bùi Vi	Thùy			9,75	v	9	○	
40	1611285	Trần Thanh	Thủy			4	v	3	○	
41	1611286	Hoàng Thị Anh	Tiên			9,75	v	10	●	
42	1611287	Cao Thị	Tiên			9	v	10	○	
43	1611290	Đỗ Thị	Tiến			9,75	v	9	○	
44	1611298	Phạm Dương Bảo	Trân			6	v	6	○	
45	1611303	Kiều Thị Thùy	Trang			9,75	v	9	○	
46	1611307	Ngô Thị Thùy	Trang			9,5	v	9	●	
47	1611311	Lê Khánh	Trình			5,5	v	5	●	
48	1611323	Lê Nguyễn Cẩm	Tú			6,25	v	6	●	
49	1611335	Trương Lê Bảo	Uyên			5	v	5	○	
50	1611340	Mã Trường	Vinh			6	v	6	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Đoàn ngọc Quí ... Chữ ký:	Họ, tên: Lê V. Chính	Họ, tên:
2) Phạm Nguyễn Thảo ... Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010301

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17_L1** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **C43**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1311017	Nguyễn Ngọc	Bách			5.0	v	5	○	
2	1311234	Nguyễn Hữu	Phong			3.5	v	3	●	
3	1311368	Phạm Thị Lệ	Trinh			7.5	v	7	●	
4	1311434	Tăng Chí	Thành			1.5	v	1	●	
5	1411028	Châu Quốc	Cường			6.5	v	6	●	
6	1411079	Huỳnh Công	Hậu			5.0	v	5	○	
7	1411117	Nguyễn Quốc	Hưng			9.5	v	9	●	
8	1411118	Nguyễn Văn	Hưng			0.5	v	0	●	
9	1411131	Bùi Nam	Khương			6.5	v	6	●	
10	1411143	Đặng Khánh	Linh			8.5	v	8	●	
11	1411178	Vũ Đức	Nam			8.0	v	8	○	
12	1411189	Huỳnh Nguyễn	Ngọc			8.5	v	8	●	
13	1411194	Nguyễn Thanh Thảo	Nguyên			7.0	v	7	○	
14	1411226	Nguyễn Kim	Phúc			5.0	v	5	○	
15	1411237	Nguyễn Lê Kim	Phương			2.5	v	2	●	
16	1411245	Nguyễn Trần Thiên	Quốc			8.0	v	8	○	
17	1411257	Nguyễn Văn	Tâm			8.5	v	8	●	
18	1411261	Nguyễn Trọng	Tân			2.5	v	2	●	
19	1411266	Đặng Công	Thái			8.0	v	8	○	
20	1411297	Phạm Thị	Thùy			9.0	v	9	○	
21	1411309	Ngô Văn Sinh	Toàn			8.5	v	8	●	
22	1411320	Nguyễn Bích	Trâm			9.0	v	9	○	
23	1511001	Đỗ Mạnh	An			10.0	v	10	○	
24	1511004	Đoàn Thị Kim	Anh			7.0	v	7	○	
25	1511005	Hoàng Vũ Quỳnh	Anh			2.5	v	2	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Hoàng M. P. Thu Chữ ký:	Họ, tên: Lê V. Chấn	Họ, tên:
2) Ng. V. Hoàng Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010302

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17_L1** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **C43**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1511025	Hạp Tiến	Cây			8.0	v	9	○	
27	1511036	Trần Phú	Cường			3.0	v	2	○	
28	1511045	Nguyễn Thị Kim	Duyên			3.5	v	2	●	
29	1511061	Trần Công	Đạt			8.5	v	9	●	
30	1511062	Trương Tấn	Đạt			6.0	v	5	○	
31	1511069	Huỳnh Ngọc	Giàu			9.5	v	8	●	
32	1511077	Trần Việt	Hà			7.5	v	6	●	
33	1511090	Nguyễn Tấn	Hiếu			7.0	v	6	○	
34	1511095	Châu Cẩm	Hoa			9.5	v	8	●	
35	1511097	Phan Thanh	Hoài			8.0	v	7	○	
36	1511113	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền			5.5	v	4	●	
37	1511121	Đoàn Thanh	Hùng			9.5	v	8	●	
38	1511135	Trần Ngọc Duy	Khánh			7.0	v	6	○	
39	1511138	Ngô Thị Hải	Kiều			8.5	v	7	●	
40	1511142	Nguyễn Nhật Hoàng	Kim			5.5	v	4	●	
41	1511146	Lưu Tú	Liên			6.0	v	5	○	
42	1511149	Phạm Trần Mỹ	Linh			7.0	v	6	○	
43	1511151	Võ Thị Hồng	Loan			7.5	v	6	●	
44	1511161	Hồ Thị Mỹ	Ly			3.5	v	2	●	
45	1511163	Thạch Ngô Hoàng	Mai			8.0	v	7	○	
46	1511168	Đoàn Công	Minh			9.5	v	8	●	
47	1511170	Mai Hồ Thuý	Minh			8.5	v	7	●	
48	1511173	Nguyễn Kiều Giáng	My			7.5	v	6	●	
49	1511174	Võ Thị Trà	My			7.5	v	6	●	
50	1511176	Phan Tiểu	My			7.0	v	6	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Ng. V. Hoàng Chữ ký:	Họ, tên: Lê V. Chánh	Họ, tên:
2) Hoàng M. P. Duc Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010303

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17_L1** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **C43**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	1511177	Cao Hoàng	Nam			6.0	v	6		
52	1511182	Trần Xuân	Nam			5.5	v	5	●	
53	1511186	Nguyễn Thị Thanh	Ngân			9.5	v	9	●	
54	1511195	Phạm Nguyễn Trung	Nghĩa			9.5	v	9	●	
55	1511216	Vũ Thị Hồng	Nhi			7.0	v	7		
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Ng. V. Hoàng ... Chữ ký:	Họ, tên: Lê V. Chánh ... Chữ ký:	Họ, tên: ... Chữ ký:
2) Hoàng M. Phú ... Chữ ký:		

18009986

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17TTH** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	1711085	Lê Thùy	Dương				●	10	○	
27	1711088	Nguyễn Lê Thanh	Duy				●	10	○	
28	1711089	Trần Đình	Duy			10.0	v	9	○	
29	1711090	Huỳnh Thị Diệu	Duyên			8.5	v	7	●	
30	1711092	Trần Công Mỹ	Duyên			8.0	v	7	○	Thi bù
31	1711093	Võ Mỹ	Duyên			9.5	v	8	●	
32	1711095	Huỳnh Nhật Trường	Giang			10.0	v	9	○	
33	1711097	Bùi Nguyễn Ngọc	Hà			6.5	v	5	●	
34	1711101	Hồ Ngọc	Hải			5.5	v	4	●	
35	1711102	Nguyễn Thị Như	Hằng			6.5	v	5	●	
36	1711105	Hà Hán	Hào			9.5	v	8	●	
37	1711106	Hồ Sỹ	Hậu			8.5	v	7	●	
38	1711107	Trịnh Diêm	Hiệp			9.0	v	8	○	
39	1711110	Nguyễn Văn	Hiếu				●	10	○	
40	1711113	Lê Hồng	Hoa			10.0	v	9	○	
41	1711115	Đặng Khải	Hoàn			10.0	v	9	○	
42	1711117	Trần Huy	Hoàng			6.0	v	5	○	
43	1711120	Nguyễn Thành	Hưng			7.0	v	6	○	
44	1711121	Phạm Thị Mai	Hương			9.0	v	8	○	
45	1711122	Phạm Thị Quỳnh	Hương			9.0	v	8	○	
46	1711123	Dương Trường	Huy			3.0	v	2	○	
47	1711126	Nguyễn Thành	Huy			9.0	v	8	○	
48	1711127	Nguyễn Từ	Huy			9.0	v	8	○	
49	1711128	Nguyễn Xuân	Huyên			7.5	v	6	●	
50	1711129	Phạm Thị Thanh	Huyền			9.0	v	8	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Lê Thị Chang Chữ ký:	Họ, tên: Lê V. Chấn	Họ, tên:
2) Bùi T. Kiều Phương Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18009987

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17TTH** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	1711130	Lê Phú Nhật	Huỳnh			10.0	v	9		
52	1711132	Tạ Nguyễn An	Khang			7.0	v	6		
53	1711134	Lê Bửu	Khiêm			10.0	v	9		
54	1711138	Nguyễn Tuấn	Khương			5.5	v	4	●	
55	1711139	Nguyễn Lê Anh	Kiệt			8.5	v	7	●	
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn T. Kiều Phương Chữ ký: 2) Lê Thị Chang Chữ ký:	Họ, tên: Lê V. Chánh Chữ ký:	Họ, tên: Chữ ký:

18009985

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Lý thuyết độ đo và xác suất** Mã học phần: **MTH10401**

Lớp: **17TTH** Ngày thi: **31/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **F304**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1511081	Trần Tứ	Hải			9.0		10		
2	1611127	Nguyễn Duy Minh	Khôi			8.5		9	●	
3	1711032	Nguyễn Ngọc Thảo	Uyên			9.5		10	●	
4	1711043	Lục Thị	Huế			5.5		5	●	
5	1711047	Trần Trọng	Ái			6.0		6		
6	1711048	Nguyễn Hoàng Thiên	An			8.0		8		
7	1711049	Nguyễn Thành	An			6.5		6	●	
8	1711050	Phan Quốc	An			3.5		3	●	
9	1711051	Trần Long	An			8.0		8		
10	1711052	Bùi Thị Vân	Anh				V			
11	1711054	Lương Đinh Hoàng	Anh			9.5		9	●	
12	1711056	Nguyễn Trúc	Anh			6.5		6	●	
13	1711058	Trần Minh	Anh			8.5		8	●	
14	1711059	Trần Thị Lan	Anh			8.5		8	●	
15	1711061	Hoàng Gia	Bảo			9.0		9		
16	1711064	Ngô Thị Ngọc	Bích			10.0		10	●	
17	1711065	Dương Quốc	Chánh			6.5		6	●	
18	1711066	Phạm Đắc	Chính			10.0		10	●	
19	1711067	Nguyễn Văn	Chinh			8.0		8		
20	1711068	Nguyễn Anh	Chương			3.0		3		
21	1711076	Đinh Thị	Diễn			9.5		9	●	
22	1711077	Nguyễn Trần Vi	Diệu			8.5		8	●	
23	1711079	Lê Hoàng	Đức			8.5		8	●	
24	1711080	Lê Tài	Đức			9.5		9	●	
25	1711083	Bùi Thị	Dung			9.5		9	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Bùi T. Kiều Phương Chữ ký:	Họ, tên: Lê V. Chánh	Họ, tên:
2) Lê Thị Chang Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18010173

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-NVC | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Các phương pháp toán lý** Mã học phần: **OMH10002**

Lớp: **1** Ngày thi: **29/10/2018** Giờ thi: **13:30** Phòng thi: **GD1**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1421167	Nông Thị	Hằng				v	0		
2	1421244	Mai Kim	Ngân			0.0	v	0		
3	1421302	Nguyễn Trần Thanh	Sơn				v	0		
4	1421343	Thọ Trường	Thi			0.0	v	0		
5	1421398	Trương Thị Phương	Uyên				v	0		
6	1521003	Phan Thị Tú	Anh			0.0	v	0		
7	1521016	Nguyễn Thị Rin	Gân			0.5	v	0	●	
8	1521054	Phạm Thị Ý	Nhi			0.0	v	0		
9	1521078	Lê Lâm Thuỷ	Tiên			0.0	v	0		
10	1621008	Hà Quốc	Đạt			0.0	v	0		
11	1621022	Phạm Trần Quang	Huy			0.5	v	0	●	
12	1621049	Nguyễn Phan Bảo	Nghi				v	0		
13	1221045	Hoàng Cao Minh				0.0	v	0		
							v	0		
							v	0		
							v	0		
							v	0		
							v	0		
							v	0		
							v	0		
							v	0		
							v	0		
							v	0		
							v	0		
							v	0		
							v	0		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) V.N Như Liễu Chữ ký:	Họ, tên: Hoàng Cao Minh	Họ, tên:
2) Trần Nữ Quỳnh Trang Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18009490

85

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)** Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KVL2** Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
1	1415127	Từ Ngọc	Hiếu					0		
2	1519173	Kim Trần Thủy	Tâm			5,0	v	5		
3	1612016	Nhữ Lê Tuấn	Anh					0		
4	1615217	Lê Thị Mộng	Mơ			5,0	v	5		
5	1713138	Vương Trọng	Thư			6,0	v	6		
6	1717028	Vũ Trần Công	Bắc			3,0	v	3		
7	1717132	Nguyễn Văn	Phúc					0		
8	1718169	Phan Châu	Giang			5,0	v	5		
9	1718189	Nguyễn Bích	Huyền			4,0	v	4		
10	1719180	Lê Minh	Thành					0		
11	1719222	Hà Ngọc	Trường					0		
12	1719227	Huỳnh Anh	Tuấn			2,0	v	2		
13	18110167	Nguyễn Hoàng	Nguyên			7,5	v	7	●	
14	18190108	Bùi Thị Ái	Nhân			6,0	v	6		
15	18190110	Hồ Thái Minh	Nhật			0,0	v	0		
16	18190111	Đinh Hoàng Hải	Nhi			4,0	v	4		
17	18190112	Nguyễn Hoàng	Nhi			9,0	v	9		
18	18190113	Nguyễn Minh Bảo	Nhi			0,0	v	0		
19	18190116	Nguyễn Đỗ Quỳnh	Như			5,0	v	5		
20	18190118	Nguyễn Thị Thùy	Như			8,5	v	8	●	
21	18190120	Trần Thị	Nhung			1,0	v	1		
22	18190121	Võ Thị Tuyết	Nhung			9,5	v	9	●	
23	18190122	Nguyễn Trần Đức	Ninh			4,0	v	4		
24	18190126	Trần Thị Ngọc	Phi			5,0	v	5		
25	18190127	Du Diệu	Phong			3,0	v	3		

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Nguyễn Văn Thắng Chữ ký:	Họ, tên: Cao Thị Mỹ Dung	Họ, tên:
2) Hoàng Thị Mỹ Dung Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18009491

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)** Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KVL2** Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
26	18190128	Trần Ngọc	Phú			7,5	v	7	●	
27	18190129	Mai Kiến	Phúc			0,0	v	0	○	
28	18190131	Dương Yến	Phương			3,0	v	3	○	
29	18190132	Lê Thị Thu	Phương			8,5	v	8	●	
30	18190134	Trần Nguyễn Hoàng	Phương			3,0	v	3	○	
31	18190135	Trương Nguyễn Nam	Phương			8,5	v	8	●	
32	18190136	Ngô Nhựt	Quang			7,5	v	7	●	
33	18190137	Phạm Minh	Quang			8,0	v	8	○	
34	18190138	Lê Nguyễn Ngọc	Quý			7,5	v	7	●	
35	18190139	Trương Phú	Quý			4,0	v	4	○	
36	18190140	Đặng Thị	Quyên			5,0	v	5	○	
37	18190141	Phan Thị Ngọc	Quyên			5,0	v	5	○	
38	18190142	Võ Thị Trúc	Quyên			6,0	v	6	○	
39	18190143	Nguyễn Thị Ngọc	Quyền			3,0	v	3	○	
40	18190144	Hà Thị Diễm	Quỳnh			5,0	v	5	○	
41	18190145	Huỳnh Xuân	Quỳnh				●		○	
42	18190146	Huỳnh Lê	Sinh			4,0	v	4	○	
43	18190147	Dương Đức	Tài			0,0	v	0	○	
44	18190148	Nguyễn Tiến	Tài			4,0	v	4	○	
45	18190149	Huỳnh Minh	Tâm			5,0	v	5	○	
46	18190150	Lê Duy	Tân			3,0	v	3	○	
47	18190151	Lê Minh	Tân			9,5	v	9	●	
48	18190152	Vũ Duy	Tân			5,0	v	5	○	
49	18190153	Cao Tấn	Thanh			7,0	v	7	○	
50	18190154	Hoàng Dương Ngọc	Thanh			3,0	v	3	○	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Hà Minh Ninh Chữ ký:	Họ, tên: Cao Thị Mỹ Dung	Họ, tên:
2) Hoàng Thị Mỹ Dung Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18009492

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)** Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KVL2** Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
51	18190155	Trần Văn	Thành				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
52	18190156	Hoàng Thị Thu	Thảo		Thảo	5,0	v	0 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 10	○	
53	18190157	Hoàng Thị Thu	Thảo		Thảo	8,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	●	
54	18190161	Lê Gia	Thịnh			1,0	v	0 **1** 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
55	18190162	Võ Đức	Thịnh		Thịnh	5,5	v	0 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 10	●	
56	18190163	Lê Mỹ	Thoa			5,0	v	0 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 10	○	
57	18190164	Đặng Thị Minh	Thư			10,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 **10**	○	
58	18190166	Huỳnh Ngọc Anh	Thư		Thư	8,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	○	
59	18190167	Nguyễn Lê Ngọc	Thư			7,0	v	0 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 10	○	
60	18190168	Nguyễn Thị Bích	Thư			7,0	v	0 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 10	○	
61	18190169	Nguyễn Thanh	Thúy		Thúy	5,0	v	0 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 10	○	
62	18190170	Trần Ngọc	Thủy			4,0	v	0 1 2 3 **4** 5 6 7 8 9 10	○	
63	18190171	Đỗ Kim Lệ	Thủy		Thủy	8,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	○	
64	18190173	Phạm Hồ Minh	Tiên			2,0	v	0 1 **2** 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
65	18190174	Trần Nguyên Thủy	Tiên		Tiên	9,0	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** 10	○	
66	18190175	Trương Quốc	Tiên			9,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** 10	●	
67	18190176	Lê Thị	Tiền				●	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
68	18190178	Nguyễn Ngọc	Toàn			9,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** 10	●	
69	18190179	Trương Đức	Toàn			0,0	v	**0** 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○	
70	18190180	Trần Minh	Toàn			3,0	v	0 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 10	○	
71	18190181	Phạm Lê Ngọc	Trâm		Trâm	9,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 8 **9** 10	●	
72	18190182	Lê Thị Huyền	Trân		Trân	5,5	v	0 1 2 3 4 **5** 6 7 8 9 10	●	
73	18190183	Trần Ngọc Bảo	Trân			3,0	v	0 1 2 **3** 4 5 6 7 8 9 10	○	
74	18190184	Lê Thị Mỹ	Trang			7,5	v	0 1 2 3 4 5 6 **7** 8 9 10	●	
75	18190185	Hà Thị Bích	Triều		Triều	8,5	v	0 1 2 3 4 5 6 7 **8** 9 10	●	

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Hà Minh Ninh Chữ ký:	Họ, tên: Cao Thị Mỹ Dung	Họ, tên:
2) Võ Hồng Châu Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký:

18009493

ĐẠI HỌC QUỐC GIA TP. HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

BẢNG ĐIỂM

DH-CQ-LT | Giữa kỳ | Học kỳ: 1/18-19

Tên học phần: **Vật lý đại cương 1 (Cơ-nhiệt)** Mã học phần: **PHY00001**

Lớp: **18KVL2** Ngày thi: **16/10/2018** Giờ thi: **09:00** Phòng thi: **E204**

STT	Mã SV	Họ	Tên	Số tờ	Chữ ký Sinh viên	Điểm	Vắng	Phần tô điểm	+0.5	Ghi chú
76	18190187	Huỳnh Lam	Trường			8,0	v	8		
77	18190188	Huỳnh Cẩm	Tú			4,0	v	4		
78	18190189	Nguyễn Ngọc	Tuân			8,5	v	8	●	
79	18190190	Nguyễn Huỳnh Mỹ	Tuệ			7,5	v	7	●	
80	18190191	Lê Văn	Tường			9,5	v	9	●	
81	18190192	Huỳnh Thị Thanh	Tuyền			6,0	v	6		
82	18190193	Đặng Phương	Uyên			8,0	v	8		
83	18190194	Huỳnh Thị Thúy	Uyên			2,0	v	2		
84	18190195	Lê Thảo	Uyên			3,0	v	3		
85	18190196	Vũ Mai	Uyên			7,5	v	7	●	
86	18190197	Nguyễn Lê	Viên			6,5	v	6	●	
87	18190198	Nguyễn Tấn	Vinh			9,5	v	9	●	
88	18190199	Nguyễn Trọng	Vô				●			
89	18190201	Nguyễn Ngọc Trang	Vy			3,0	v	3		
90	18190203	Phạm Nguyễn Khánh	Vy			5,0	v	5		
91	18190204	Lâm Lý	Vỹ			7,0	v	7		
92	18190205	Võ Thị Kim	Yến			4,0	v	4		
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			
							v			

Cán bộ coi thi	Cán bộ chấm thi	Trưởng khoa, bộ môn
Họ, tên: 1) Hà Minh Ninh Chữ ký:	Họ, tên: Cao Thị Mỹ Dung	Họ, tên:
2) Nguyễn Văn Thang Chữ ký:	Chữ ký:	Chữ ký: